

5. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 01 năm 2021

Triệu đồng

	Thực hiện tháng 12 năm 2020	Ước tính tháng 01 năm 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tháng 01 năm 2021 so với tháng 01 năm 2020 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo so với cùng kỳ năm 2020 (%)
TỔNG SỐ	3.866.550,35	3.871.456,01	3.871.456,01	121,03	121,03
Lương thực, thực phẩm	2.053.064,08	2.053.197,65	2.053.197,65	120,90	120,90
Hàng may mặc	225.854,12	226.450,60	226.450,60	118,72	118,72
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	499.904,78	499.952,62	499.952,62	126,68	126,68
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	41.680,14	41.721,33	41.721,33	120,10	120,10
Gỗ và vật liệu xây dựng	318.703,53	319.601,62	319.601,62	118,23	118,23
Ô tô các loại	12.680,46	12.705,62	12.705,62	100,65	100,65
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	109.976,93	110.312,62	110.312,62	118,36	118,36
Xăng, dầu các loại	219.940,57	221.314,54	221.314,54	118,42	118,42
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	91.334,91	91.806,26	91.806,26	119,86	119,86
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	100.801,16	101.407,16	101.407,16	120,20	120,20
Hàng hóa khác	124.901,11	125.180,22	125.180,22	123,41	123,41
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	67.708,55	67.805,77	67.805,77	123,17	123,17